TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/DS-PT
Ngày: 27 - 4 -2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Đăng

Ông Phạm Trường Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Phúc Vinh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DSST ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 69/2023/QĐPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm: 1944; Cư trú tại: Ấp H, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Đoàn Văn L1; Cư trú tại: Ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 23/11/2021).

- *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị L2, sinh năm: 1948; Cư trú tại: Ấp H, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Hữu V; Cư trú tại: Ấp H, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Ngọc C2; Ấp H, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đoàn Thị L2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị C1 và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Đoàn Văn L1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị C1 có tham gia 02 dây hụi gồm 01 dây hụi tháng 1.000.000 đồng và 01 dây hụi mùa 2.000.000 đồng do chị Huỳnh Thị Diễm T làm đầu thảo. Khi còn vài tháng mãn hụi thì bà C1 hốt hụi được số tiền 29.000.000 đồng. Ngày 26/5/2015, bà L1 có hỏi mượn của bà C1 số tiền hụi đã hốt là 29.000.000 đồng và bà L1 sẽ đóng lại phần hụi chết cho bà C1, hai bên không thỏa thuận thời hạn vay và lập tờ biên nhận nợ do con gái bà L2 là chị Nguyễn Thị C2 ghi và bà L2 ký tên.

Trong quá trình vay bà L2 đóng lãi mỗi tháng là 870.000 đồng cho đến ngày 26/9/2016 thì ngưng không đóng tiếp. Đến khi bà C1 yêu cầu lấy lại tiền vốn thì bà L2 không trả. Nay bà C1 yêu cầu bà Liêu trả cho bà C1 số tiền vốn vay 29.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 26/9/2016 đến ngày 26/4/2021 là: 29.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 43 tháng = 18.705.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 47.705.000 đồng và tiếp tục yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính mức lãi suất từ ngày 26/5/2015 đến ngày 31/12/2016 là 13,5%/năm và từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/01/2023 là 1,5%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đoàn Thị L2 và người đại diện hợp pháp của bị đơn anh Nguyễn Hữu V trình bày:

Bà Đoàn Thị L2 không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do bà L2 không có vay tiền và không có ký tên vào tờ biên nhận ngày 26/5/2015 nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà C1.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc C2 trình bày:

Biên nhận nợ ngày 26/5/2015 do chị C2 viết nhưng chị không nhớ viết theo yêu cầu của ai. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị C2 thay đổi lời khai và cho rằng chữ viết trong biên nhận không phải của chị, chị không biết việc vay nợ giữa bà C1 và bà L2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C1.

Buộc bà Đoàn Thị L2 phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền vốn và lãi 53.088.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, bị đơn bà Đoàn Thị L2 có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Nguyễn Hữu V thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo. Bà L2 đồng ý trả tiền nợ cho bà C1 theo biên nhận là 29.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi theo yêu cầu nguyên đơn và bản án sơ thẩm.

Anh Đoàn Văn L1 đại diện cho bà Nguyễn Thị C1 yêu cầu bà Đoàn Thị L1 trả cho bà C1 số tiền vốn 29.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 26/5/2015 và tiền lãi theo án sơ thẩm tuyên 24.088.000 đồng nay anh L1 đồng ý giảm một phần lãi tương đương số tiền 6.440.000 đồng, còn lại số tiền lãi 17.648.000 đồng yêu cầu bà L2 trả cho bà C1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu: Chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị L2, sửa bản án sơ thẩm. Ghi nhận sự thỏa thuận anh Vàng đồng ý trả tiền vốn cho bà C1 số tiền 29.000.000 đồng, tiền lãi không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị L2. Sửa bản án sơ thẩm. Buộc bà Đoàn Thị L2 phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền vốn và lãi 46.648.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm bà L2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc C2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị C2.

Bà Đoàn Thị L2 là người khuyết tật, được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận và lĩnh tiền trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng nên thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 7 của Luật trợ giúp pháp lý năm 2017. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không yêu cầu trợ giúp viên pháp lý tham gia để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L2 là vi phạm Điều 41 của Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 và Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị C1 tham gia chơi 02 dây hụi gồm:

Dây hụi số 1: Loại 1.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, bà C1 tham gia 01 phần hụi và kêu hụi vào lần thứ 12 với số tiền 300.000 đồng, hốt được số tiền 18.000.000 đồng và dây hụi số 2: Loại 2.000.000 đồng/mùa, gồm 14 phần, bà C1 tham gia 01 phần hụi và kêu hụi vào lần thứ 10 với số tiền 860.000 đồng, trừ đầu thảo 560.000 đồng, hốt được số tiền 22.000.000 đồng.

Ngày 26/5/2015, bà C1 thỏa thuận cho bà L2 vay số tiền hụi hốt được bằng số tiền 29.000.000 đồng, bà L2 thỏa thuận đóng lãi mỗi tháng với lãi suất 3%/tháng tương đương số tiền 870.000 đồng và hằng tháng bà L2 sẽ đóng hụi chết thay cho bà C1 đến khi mãn hụi. Việc vay tiền có lập biên nhận đề ngày 26/5/2015 do chị Nguyễn Ngọc C2 (con bà L2) viết và bà L2 ký tên.

Nguyên đơn thừa nhận sau khi vay tiền bà L2 đã thực hiện nghĩa vụ đóng lãi cho bà C1 hằng tháng từ ngày 26/5/2015 đến ngày 26/9/2016 bằng số tiền 13.920.000 đồng và bà L2 đã đóng hụi chết 2 dây hụi theo thỏa thuận đến khi mãn hụi.

Tại phiên tòa, anh V đại diện hợp pháp bà L2 đồng ý trả số tiền vốn 29.000.000 đồng theo biên nhận mượn tiền ngày 26/5/2015 giữa bà C1 với bà L2. Xét lời thừa nhận của anh V tại phiên tòa phù hợp với biên nhận vay tiền hụi lập ngày 26/5/2015 của bà L2, phù hợp với lời khai của chị C2, biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm và các chứng cứ khác do cấp sơ thẩm thu thập được nên được chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Xét nội dung biên nhận vay tiền hụi ngày 26/5/2015 thì số tiền hụi 29.000.000 đồng bà C1 cho bà L2 vay có lãi nên bà C1 yêu cầu tính lãi số tiền trên từ ngày 26/5/2015 đến ngày 31/12/2016 là 13,5%/năm (tương đương 1,125%/tháng) và từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/01/2023 là 1,5%/tháng bằng số tiền 38.008.000 đồng và nguyên đơn đồng ý khấu trừ số tiền lãi bà L2 đã đóng cho bà C1 từ ngày 26/5/2015 đến ngày 26/9/2016 bằng số tiền 13.920.000 đồng. Sau khi khấu trừ án sơ thẩm buộc bà L2 có nghĩa vụ trả cho bà C1 số tiền lãi còn lại 24.088.000 đồng là phù hợp với khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà L2 là anh V không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Anh L1 đại diện cho bà C1 đồng ý giảm một phần tiền lãi cho bà L2 bằng số tiền 6.440.000 đồng. Số tiền lãi còn lại 17.648.000 đồng yêu cầu bà L2 trả cho bà C1. Xét sự tự nguyện của anh L2 đại diện cho bà C1 là phù hợp pháp luật nên được công nhận. Anh V không đồng ý trả tiền lãi còn lại là không có căn cứ. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo bà L1, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần tiền lãi.

[4] Án phí dân sự: Do bà L1 là người khuyết tật nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà L2 được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị L2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DSST ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C1.

Buộc bà Đoàn Thị L2 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền vốn 29.000.000 đồng và lãi 17.648.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi bằng 46.648.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự: Bị đơn bà Đoàn Thị L2 được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H.VL: 01;
- VKSND H.VL: 01;
- Chi Cục THADS H.VL: 01;
- Đương sự: 04;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca